

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18), tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18), tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; số 289/QĐ-UBND ngày 16/02/2022; số 1235/QĐ-UBND ngày 25/07/2022; số 1618/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; số 1133/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18), tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 100/TTr-SXD ngày 29/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700 đến Km18), tỉnh Lạng Sơn, gồm các nội dung sau:

1. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng trong thiết kế cơ sở điều chỉnh

- QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- QCVN 08:2009/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Công trình ngầm đô thị.
- 22 TCN 272-05 Tiêu chuẩn thiết kế cầu.
- 22TCN 273:01 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.
- TCXDVN 104-2007 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 9116:2012 Công hợp bê tông cốt thép.
- 22 TCN 211:06 Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
- 22TCN 262:2000 Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu.
- TCVN 9355:2013 Gia cố nền đất yếu bằng bác thấm thoát nước.
- TCVN 8700:2011 Cống, bể, hầm, hồ, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông-Yêu cầu kỹ thuật.
- QCVN 41:2016/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- TCVN 7957:2008 Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXDVN 259:2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng đường, đường phố và quảng trường.
- TCVN 4054:2005 Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.
- TCVN 9257:2012 Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 09:2013/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả.
- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8859:2011 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8861:2011 Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.
- TCVN 9361:2012 Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9116:2012 Công hợp bê tông cốt thép.
- TCVN 9113:2012 Ống BTCT thoát nước.
- TCVN 8867:2011 Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman.
- TCVN 8866:2011 Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.

- TCVN 8864:2011 Mặt đường ô tô xác định bằng phẳng bằng thước dài 3m.
- TCVN 8860:2011 Bê tông nhựa - Phương pháp thử.
- TCVN 2682:2009 Xi măng Pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 9203:2012 Xi măng Pooc lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng.
- TCVN 4030:2003 Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan.

2. Quy mô và giải pháp điều chỉnh

2.1. Ngầm tràn Nà Pinh (địa bàn huyện Cao Lộc)

a) Khối lượng bổ sung: bổ sung đoạn đường nối từ Quốc lộ 4B đến đầu đường dẫn vào ngầm Nà Pinh, chiều dài tuyến 352m.

b) Giải pháp thiết kế:

- Thực hiện đào nền và đào khuôn đường bằng máy đào 1,25m³. Đắp nền bằng máy lu bánh thép 9T.

- Kết cấu đoạn tuyến đường bổ sung từ trên xuống dưới như sau: Mặt đường bê tông xi măng mác 250, bề rộng mặt đường 5.0m, dày 20 cm; lớp bạt dứa; lớp cấp phối đá dăm loại II dày 12cm trên nền đất đầm chặt K=0,95.

- Trên đoạn tuyến bổ sung, bố trí khe co giãn trong đó khoảng cách giữa hai khe giãn là 50m; khoản cách giữa hai khe co là 5m.

- Bổ sung tấm đan cho mương thủy lợi, kết cấu tấm đan như sau: kích thước tấm đan (70x100x12)cm, kết cấu bê tông cốt thép mác 250, dày 14cm đặt trên mương thủy lợi đã có.

- Bổ sung gia cố bó nền trên tuyến bằng bê tông xi măng mác 150, đã (2x4)cm.

- Bổ sung các biển báo an toàn giao thông trên tuyến đường nối từ Quốc lộ 4B đến đầu đường dẫn vào ngầm Nà Pinh các loại biển báo gồm:

+ Biển báo nguy hiểm (nền biển màu vàng, nét vẽ màu đen): mặt biển báo hình tam giác, nền màu vàng viền màu đỏ cao 90cm; cột biển bằng ống thép D=8cm sơn trắng đỏ xen kẽ, cao 220cm; liên kết giữa mặt biển và cột bằng các chốt liên kết; cột biển đặt trên bê tông móng cột sử dụng bê tông xi măng mác 150; liên kết giữa cột biển và móng cột bằng chốt chống xoay CB240-T-D8 dài 10cm hàn trực tiếp vào chân cột.

+ Biển hình tròn (nền biển màu trắng, nét vẽ màu đen): mặt biển báo hình tròn, nền màu trắng viền màu đỏ cao 90cm, cột biển bằng ống thép D=8cm sơn trắng đỏ xen kẽ, cao 180cm; liên kết giữa mặt biển và cột bằng các chốt liên kết; cột biển đặt trên bê tông móng cột sử dụng bê tông xi măng mác 150; liên kết giữa cột biển và móng cột bằng chốt chống xoay CB240-T-D8 dài 10cm hàn trực tiếp vào chân cột.

+ Cọc tiêu đặt tại các vị trí ven đường, kích thước cọc tiêu (70x20)cm, móng bằng bê tông xi măng mác 150, thân sơn màu trắng, phía trên cọc tiêu sơn màu đỏ dài 10cm và dán phản quang bằng tấm aluminium màu vàng.

2.2. Trồng cây xanh trên dải phân cách giữa của tuyến đường

a) Khối lượng bổ sung: bổ sung khối lượng trồng cây xanh trên dải phân cách giữa của tuyến đường.

b) Giải pháp thiết kế: trồng dải cây hồng lộc cao 1,3 m đường kính tán cây 60cm tại vị trí giữa dải phân cách theo chiều dài tuyến đường, khoảng cách giữa các cây là 2,5m. Trang trí viền xung quanh dải phân cách bằng cây chuối ngọc, tán rộng 40cm cao 25cm.

2.3 Điều chỉnh giảm ranh giới giải phóng mặt bằng của dự án tại các vị trí như sau:

- Bãi đỗ đất tại Km5+796,77 đến Km6+511,35 (bên trái), diện tích 2,91ha thuộc địa phận xã Gia Cát, huyện Cao Lộc.

- Vị trí lấy đất đắp tại Km7+300 (bên trái) có diện tích 3,1ha và tại Km11+400 (bên trái) có diện tích 3,2ha thuộc địa bàn xã Gia Cát, huyện Cao Lộc.

- Vị trí Km 3+945 đến Km4+59,55 (bên trái) chỉ điều chỉnh ranh giới dự án đối với phần đất thuộc bãi đỗ thải.

3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 1.214.514.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	353.439.303.167	đồng
- Chi phí xây dựng:	777.653.642.810	đồng
- Chi phí thiết bị:	638.230.000	đồng
- Chi quản lý dự án:	9.342.932.612	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	29.568.955.734	đồng
- Chi phí khác:	32.057.241.300	đồng
- Chi phí dự phòng:	11.813.695.377	đồng

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: năm 2020 - tháng 6/2025.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; số 289/QĐ-UBND ngày 16/02/2022; số 1235/QĐ-UBND ngày 25/07/2022; Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Thanh Sơn